|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | 2/11/2024  16/11/2024  23/11/2024  30/11/2024 | 2/11/2024  16/11/2024  23/11/2024  30/11/2024 | 29/10/2024  5/11/2024  12/11/2024  19/11/2024 | 28/10/2024  4/11/2024  11/11/2024  18/11/2024 | 29/10/2024  5/11/2024  12/11/2024  19/11/2024 |
| 15 /10/2024 | **Tiết (TKB)** | 1,1,1,1 | 3,3,3,3 | 2,2,2,2 | 1,1,1,1 | 1,1,1,1 |
| **Lớp** | 7A | 7B | 7C | 7D | 7E |

**CHỦ ĐỀ 3 :**

**TỤC NGỮ, CA DAO HẢI PHÒNG**

**Thời lượng : 4 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố về nội dung và nghệ thuật của tục ngữ, ca dao Hải Phòng.

*-* Biết được yêu cầu và cách thức sưu tầm ca dao, tục ngữ địa phương.

1. Về kĩ năng, năng lực

- Có kĩ năng đọc hiểu các câu ca dao, tục ngữ.

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm, ước mơ của nhân dân được thể hiện qua các câu ca dao, tục ngữ.

- Biết cách tìm hiểu tục ngữ, ca dao địa phương ở một mức độ nhất định.

1. Về phẩm chất

- Có thái độ trân trọng, tự hào và ý thức gìn giữ, phát huy vốn tục ngữ, ca dao Hải Phòng.

**4. Mục tiêu dành cho học sinh học hòa nhập:**

**\* Về kiến thức:**

- Giúp học sinh nhận biết được một số yếu tố về nội dung và nghệ thuật của tục ngữ, ca dao Hải Phòng

**\*Về năng lực:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm.

**\* Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: HS có ý thức tốt trong giờ học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS, sản phẩm chuẩn bị của học sinh…

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC, CHIA NHÓM, PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC NHÓM THỰC HIỆN DỰ ÁN TÌM HIỂU VỀ TỤC NGỮ VÀ CA DAO HẢI PHÒNG.**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

*a. Mục tiêu:* Trò chơi tạo hứng thú cho học sinh, đồng thời giúp học sinh nhớ lại các khái niệm văn học dân gian, tục ngữ, ca dao.

\* Mục tiêu cho HSKT: Trò chơi tạo hứng thú cho học sinh

*b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Đoán ô chữ” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong trò chơi

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh để ra các từ khóa: Văn học dân gian, ca dao, tục ngữ, hải Phòng. Từ đó GV dẫn dắt vào chủ đề

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Đoán ô chữ”**  - GV mời một học sinh làm MC, một học sinh làm thư kí phát quà. Tổ chức trò chơi  - Luật chơi  + Đọc các khái niệm và dựa vào số lượng ô chữ, hãy cho biết đó là ô chữ gì?  + Khi thông tin được giới thiệu, học sinh nào giơ tay nhanh nhất sẽ được trả lời trước. Nếu câu trả lời không chính xác, cơ hội sẽ nhường cho những bạn còn lại.  + Mỗi câu trả lời đúng người chơi sẽ được nhận một phần quà.  Câu hỏi 1. Ô chữ gồm 13 chưa cái  …là những sáng tác nghệ thuật của nhân dân lao động , mang đặc trưng là truyền miệng…  ***Đáp án: Văn học dân gian***  Câu hỏi 2: Ô chữ gồm 6 chữ cái  ….là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội), được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hằng ngày.  Cũng là 1 thể loại của [văn học dân gian](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_d%C3%A2n_gian)**.**  ***Đáp án: Tục ngữ***  **Câu hỏi 3: Ô chữ gồm 5 chữ cái**  …….là những lời thơ trữ tình dân gian; được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người và kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng.  Đây cũng là một loại hình của văn học dân gian  ***Đáp án: Ca dao***  **Câu hỏi 4: Ô chữ gồm 7 chữ cái**  …….là tên một thành phố nằm ven biển, là trung tâm văn hóa của miền duyên hải Bắc Bộ, nơi có bãi biển Đồ Sơn thơ mộng.  ***Đáp án: Hải Phòng***  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên tổ chức hs chơi trò chơi  - Học sinh dẫn chương trình và tham gia trả lời  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh tham gia chơi. Ai có đáp án nhanh nhất và chính xác sẽ nhận quà  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Dùng những từ khóa và lời dẫn trong SGK để giới thiệu bài  Người dân Hải Phòng đề xuất thả thêm thiên nga trong hồ Tam Bạc  *Hải Phòng có bến Sáu Kho*  *Có sông Tam Bạc, có lò Xi măng*  Từ xưa cho đến nay, Hải Phòng luôn là trung tâm văn hóa của miền duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trọng điểm kinh tế của đất nước. Thành tựu đó được đắp bồi bằng trí tuệ, tâm hồn của nhiều thế hệ con người nơi đây. Kho tàng tục ngữ, ca dao Hải Phòng cũng đã đóng góp một phần để tạo nên những thành tựu ấy.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn. | - Biết lắng nghe và thích thú cùng các bạn vào bài mới |  |

1. **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Hướng dẫn học sinh phần tìm hiểu chung**

*a. Mục tiêu:* HS đọc văn bản, chia nhóm các câu tục ngữ, ca dao theo đề tài.

\* Mục tiêu cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*b. Nội dung:* 1. Câu hỏi 1/Tài liệu

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh để ra cách đọc, học sinh đọc

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc - tìm hiểu chú thích:**  **Bước 1.** GV chiếu văn bản, yêu cầu HS đọc thầm  - Gọi HS phân biệt tục ngữ, ca dao.  - Hỏi: Vì sao em lại phân biệt được như vậy?  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 2**. GV hướng dẫn HS đọc văn bản: trong quá trình đọc các em lưu ý một số điều như sau:  + Phần tục ngữ: Đọc rõ ràng, ngắt nhịp đúng, chú ý những chữ gieo vần.  + Phần ca dao: đọc với giọng thiết tha, trìu mến thể hiện rõ tình cảm trong bài ca dao.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 3.** GV đọc mẫu, gọi 2 HS đọc văn bản.  - Yêu cầu HS nhận xét phần đọc của các bạn.  - Giáo viên nhận xét và bổ sung  - GV chuẩn kiến thức, chốt, chuyển: Các em đã có bước đầu tiên tiếp xúc với văn bản. Để hiểu rõ hơn về các câu tục ngữ, các bài ca dao trong bài học, chúng ta chuyển sang phần II. Đọc - hiểu văn bản.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Đọc**  + Phần tục ngữ: Đọc rõ ràng, ngắt nhịp đúng, chú ý những chữ gieo vần.  + Phần ca dao: đọc với giọng thiết tha, trìu mến thể hiện rõ tình cảm trong bài ca dao.  **2. Chú thích**  **Từ khó: SGK** |

**Hoạt động 2.2: Thực hành Đọc-hiểu**

**a. Mục tiêu:** HS phân tích được tác dụng của một số nét nghệ thuật tiêu biểu (biện pháp tu từ, cách gieo vần, ngắt nhịp, phối hợp thanh điệu) và từ đó khái quát được nội dung, giá trị của các câu tục ngữ và ca dao.

**\* Mục tiêu cho HSKT:** Quan sát thầy cô và các bạn.

**b. Nội dung**

Hoạt động theo nhóm mỗi nhóm tìm hiểu một lĩnh vực

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và đáp án trong hoạt động nhóm của HS

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện**

**GV giới thiệu chủ đề và giao nhiệm vụ chung cho cả lớp, các nhóm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | | | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Giáo viên sử dụng phương pháp dạy học dự án để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tục ngữ, ca dao Hải Phòng.**  - Gv giới thiệu bài học có 2 nội dung chính đó là:  1. Tìm hiểu vài nét về tục ngữ, ca dao Hải Phòng.  2. Thực hành đọc hiểu một số câu tục ngữ, ca dao Hải Phòng.  **-** GV chia lớp thành 4 nhóm, 2 nhóm sẽ chọn cùng một nội dung bài học để tìm hiểu và trình bày kết quả vào tiết học sau.  - GV phân công học sinh trong ban tổ chức. Nhiệm vụ: Xây dựng kịch bản chương trình, làm bảng tin và dẫn chương trình cho buổi trình bày kết quả dự án.  GV chiếu hệ thống câu hỏi và các yêu cầucần đạt | | | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | |  | |
| **Nhóm 1,3:** TỤC NGỮ HẢI PHÒNG- KHO BÁU VỀ KINH NGHIỆM ĐỜI SỐNG CỦA CƯ DÂN MIỀN ĐẤT CẢNG | | | | | | |
|  | 1. **Nội dung:**   - Chỉ ra được nội dung những câu tục ngữ Hải Phòng đề cập đến trên các lĩnh vực:  + Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.  + Tục ngữ về con người và xã hội.  - Chỉ ra được nét riêng biệt của tục ngữ Hải Phòng mang đậm tính cách của con người miền biển: mạnh mẽ , khảng khái và lạc quan   1. **Nghệ thuật:**   - Chỉ ra được các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu tục ngữ.   1. **Hình thức trình bày**   - Thuyết trình  - Hoàn thành phiếu học tập  - Sưu tầm tục ngữ | | | | | |
| **Nhóm 2,4:** CA DAO HẢI PHÒNG- TIẾNG NÓI TÂM HỒN CỦA CƯ DÂN MIỀN BIỂN | | | | | | |
| 1. **Nội dung:**   - Trình bày được nội dung những câu ca dao Hải Phòng là tiếng nói tâm hồn của người dân đất cảng trên những lĩnh vực:  + Những khúc ca về cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, sầm uất, trù phú thời viễn cổ  + Những khúc ca về cuộc sống tươi đẹp, những khúc hát giao duyên.  + Những khúc ca về cuộc sống vất vả cần lao của người lao động   1. **Nghệ thuật:**   - Chỉ ra được các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu ca dao   1. **Hình thức trình bày**   - Thuyết trình  - Hỏi chuyên gia  - Sân khấu hóa  - Sưu tầm ca dao | | | | | |  |
| **Ban tổ chức:**  *Nhiệm vụ: Xây dựng kịch bản chương trình, làm bảng tin và dẫn chương trình cho buổi trình bày kết quả dự án.* | | | | | | |
| \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh cùng giáo viên thống nhất các tiêu chí để đánh giá.  – Học sinh làm việc nhóm để hoàn thành dự án  – Dự kiến các vật liệu, phương pháp thực hiện công việc.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  *Thực hiện dự án* - Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này, HS thực hiện các hoạt động tìm hiểu, lên ý tưởng, thực hiện ý tưởng . Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  - Trong quá trình các nhóm triển khai thực hiện, GV sẽ đóng vai trò là chuyên gia độc lập để tư vấn, góp ý thêm cho các nhóm về nội dung và hình thức thể hiện.  Để cung cấp thêm tư liệu cho học sinh , giáo viên cho học sinh một số địa chỉ W để tìm hiểu và khai thác tư liệu.  <https://cadao.me/the/hai-phong/>  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn. | | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | | **\*** *Nhiệm vụ của mỗi nhóm là tìm hiểu sách giáo khoa, sưu tầm tài liệu vận dụng các kiến thức đã học, kết hợp với sự hỗ trợ các phương tiện công nghệ, hướng của giáo viên, để hoàn thành các sản phẩm mà GV yêu cầu và tổ chức giới thiệu trình bày kế quả trong buổi báo cáo; tiến hành nhận xét, đánh giá chất lượng dự án của các nhóm với nhau.* | | |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Địa danh ( quận, huyện được nhắc tới trong câu tục ngữ )** | **Câu tục ngữ** | **Nghệ thuật** |
| 1 | Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất. |  |  |  |
| 2 | Tục ngữ về con người và xã hội. |  |  |  |
| Nhận xét: | | - Chỉ ra được nét riêng biệt của tục ngữ Hải Phòng mang đậm tính cách của con người miền biển: mạnh mẽ , khảng khái và lạc quan. | | |

**Mẫu phiếu đánh giá:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ**  **TỤC NGỮ HẢI PHÒNG** Nhóm thực hiện:………………………………  Nhóm đánh giá:……………………………….   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **NỘI DUNG** | **TIÊU CHÍ** | **ĐIỂM** | **ĐÁNH GIÁ CỦA HS** | **ĐÁNH GIÁ CỦA GV** | | **Hình thức** **thể hiện** | - Sáng tạo, hấp dẫn. | 1.0 |  |  | | - Kịch bản / cách thể hiện rõ ràng. | 1.0 |  |  | | **Thời gian** | - Thời gian chuẩn bị hợp lý | 1.0 |  |  | | - Thời gian trình bày theo quy định | 1.0 |  |  | | **Nội dung** | - Phù hợp với chủ đề | 1.0 |  |  | | - Gây được ấn tượng cho người dự. | 1.0 |  |  | | **Trình bày của HS** | - Tự tin, trình bày rõ ràng, mạch lạc, có điểm nhấn, thu hút. | 1.0 |  |  | | - Tương tác tốt với cô giáo và học sinh tham dự | 1.0 |  |  | | **Tổng điểm** | | **10** |  |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ**  **CA DAO HẢI PHÒNG** Nhóm thực hiện:………………………………  Nhóm đánh giá:……………………………….   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **NỘI DUNG** | **TIÊU CHÍ** | **ĐIỂM** | **ĐÁNH GIÁ CỦA HS** | **ĐÁNH GIÁ CỦA GV** | | **Hình thức** **hể hiện** | - Sáng tạo, hấp dẫn. | 1.0 |  |  | | - Kịch bản / cách thể hiện rõ ràng. | 1.0 |  |  | | **Thời gian** | - Thời gian chuẩn bị hợp lý | 1.0 |  |  | | - Thời gian trình bày theo quy định | 1.0 |  |  | | **Nội dung** | - Phù hợp với chủ đề | 1.0 |  |  | | - Gây được ấn tượng cho người dự. | 1.0 |  |  | | **Trình bày của HS** | - Tự tin, trình bày rõ ràng, mạch lạc, có điểm nhấn, thu hút. | 1.0 |  |  | | - Tương tác tốt với cô giáo và học sinh tham dự | 1.0 |  |  | | **Tổng điểm** | | **10** |  |  | |

**TIẾT 2: HỌC SINH TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VÀ CHUẨN BỊ SẢN PHẨM BÁO CÁO**

**TIẾT 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA CÁC NHÓM**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu vài nét về tục ngữ, ca dao Hải Phòng**

*a. Mục tiêu***:** HS kể được những câu ca dao, tục ngữ của Hải Phòng .

\* Mục tiêu cho HSKT:Quan sát thầy cô và các bạn.

*b. Nội dung* **:** Nhiệm vụ giao cho học sinh

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*c. Sản phẩm học tập* **:** thực hiện được các yêu cầu của giáo viên đưa ra

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời Ban tổ chức lên thực hiện nhiệm vụ.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh được phân công lên dẫn chương trình báo cáo dự án.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời  - GV mời các nhóm nhận xét, đánh giá phần trình bày của nhóm khác.  Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **- GV chuẩn, chốt kiến thức**  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **I. Vài nét về tục ngữ, ca dao Hải Phòng**  **1. Tục ngữ Hải Phòng- kho báu về kinh nghiệm đời sống của cư dân miền đất Cảng**  a. Nội dung chính của tục ngữ Hải Phòng:  - Khái quát các địa danh, sản vật  - Những nét đặc trưng trong lao động  - Những nét đẹp văn hóa đặc săc của người Hải Phòng.  b. Về nghệ thuật:  - Tục ngữ Hải Phòng được thể hiện bằng nhiều biện pháp NT như: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ..  - Tục ngữ Hải Phòng có vần điệu dễ thuộc dễ nhớ, gắn liền với địa danh.  Nhận xét:  Qua những câu tục ngữ Hải Phòng ta thấy người dân Hải Phòng là những con người mang đậm cá tính của người miền biển: mạnh mẽ, khảng khái và lạc quan. |

**Phiếu học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Địa danh ( quận, huyện được nhắc tới trong câu tục ngữ )** | **Câu tục ngữ** | **Nghệ thuật** |
| 1 | Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất. | An Lão, Tiên Lãng  Vĩnh Bảo | *Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm*  *Diêm Quả Đào, thuốc lào Vĩnh Bảo*  *Mắm tôm làng Đợn*  *Lòng lợn chợ Cầu* | *Vần lưng* |
| 2 | Tục ngữ về con người và xã hội. | Đồ Sơn, Kiến Thụy | *Gái lấy chồng Đồ Sơn- Bát Vạn*  *Trai lấy vợ sang huyện Hoa Phong* |
| Nhận xét: | | - Tục ngữ Hải Phòng mang đậm tính cách của con người miền biển: mạnh mẽ , khảng khái và lạc quan. | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời Ban tổ chức lên thực hiện nhiệm vụ.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh được phân công lên dẫn chương trình báo cáo dự án.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời  - GV mời các nhóm nhận xét, đánh giá phần trình bày của nhóm khác.  Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **- GV chuẩn, chốt kiến thức**  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **2. Ca dao Hải Phòng- tiếng nói tâm hồn của cư dân miền biển**  a. Nội dung chính của ca dao Hải Phòng:  + Những khúc ca về cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, sầm uất, trù phú thời viễn cổ  + Những khúc ca về cuộc sống tươi đẹp, những khúc hát giao duyên.  + Những khúc ca về cuộc sống vất vả cần lao của người lao động.  b. Về nghệ thuật:  - Ca dao Hải Phòng được thể hiện bằng nhiều biện pháp NT như: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ..  - Thể thơ lục bát có vần điệu dễ thuộc dễ nhớ, gắn liền với địa danh.  Nhận xét:  Ca dao HP có những sáng tạo độc đáo riêng, mang dáng dấp , cốt cách tâm hồn của người dân đất Cảng. |

**Phiếu học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Địa danh ( quận, huyện được nhắc tới trong câu tục ngữ )** | **Câu ca dao** | **Nghệ thuật** |
| 1 | + Những khúc ca về cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, sầm uất, trù phú thời viễn cổ | Thủy Nguyên, An Lão,  Vĩnh Bảo | *Nhất cao là núi U Bò*  *Nhất đông chợ Giá nhất to sông rừng*  *Đứng trên đỉnh núi ta thề*  *Không giết được, giặc không về núi Voi* |  |
| 2 | + Những khúc ca về cuộc sống tươi đẹp, những khúc hát giao duyên. | Đồ Sơn, Kiến Thụy,Tiên Lãng | *Bao giờ cho đến tháng Mười*  *Bát cơm thì trắng, bát rươi thì đầy*  *Hỡi cô thắt dải lưng xanh*  *Có về Tiên Lãng với anh thì về* |
| 3 | + Những khúc ca về cuộc sống vất vả cần lao của người lao động. |  | *Đời ông cho chí đời cha*  *Có một đống cát xe ra xe vào* |
| Nhận xét: | | - Ca dao HP có những sáng tạo độc đáo riêng, mang dáng dấp , cốt cách tâm hồn của người dân đất Cảng. | | |

**TIẾT 4:**

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

*\* Mục tiêu cho HSKT:* Quan sát thầy cô và các bạn.

*b. Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm các bài tập:

Bài tập 1: Đánh dấu X vào cột ca dao, tục ngữ cho phù hợp

Giải thích tại sao?

Bài tập 2: Phân tích một câu ca dao, tục ngữ cụ thể

Bài tập 3: Làm bài tập chọn ý đúng, từ đó rút ra nọi dung tổng kết

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*c. Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  \* GV chiếu bài tập lên bảng hoặc in phiếu học tập cho học sinh  **Bài tập 1: Đánh dấu X vào cột ca dao, tục ngữ cho phù hợp và giải thích**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Nội dung | Ca dao | Tục ngữ | | 1 | Trâu vào rừng Mét, sét không ra |  |  | | 2 | Chém nhau đằng mũi, hòa nhau đằng lái |  |  | | 3 | Sâu nhất là sông Bạch Đằng  Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan |  |  | | 4 | Đầu mè đuôi Úc  Giữa khúc Nụ Đăng |  |  | | 5 | Dù ai buôn đâu bán đâu  Mùng chín tháng tám chọi trâu thì về |  |  | | 6 | Thuốc lào Vĩnh Bảo  Chồng hút vợ say  Thằng con châm đóm  Lăn quay ra giường |  |  | | 7 | Đứng trên đỉnh núi ta thề  Không giết hết giặc, không về núi Voi |  |  |   **Bài tập 2: Phân tích các câu tục ngữ, ca dao sau:**  2.1. Cho câu tục ngữ:  Sấm động biển Đồ Sơn  Mang nồi rang thóc  Sấm động bên Sóc  Đổ thóc ra phơi  + Xác định, nêu tác dụng của cách gieo vần và biện pháp tu được sử dụng trong câu tục ngữ trên.  + Nêu nghĩa của câu tục ngữ trên.  + Cơ sở thực tiễn của câu tục ngữ trên là gì?  + Kinh nghiệm đúc kết qua câu TN có có giá trị như thế nào đối với đời sống của con người?  2.2. Cho câu ca dao sau:  Sâu nhất là sông Bạch Đằng  Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan  ? Nhắc đến dòng sông Bạch Đằng, bài ca dao đã sử dụng những nét nghệ thuật nào nổi bật? Tác dụng?  - Qua đó, người dân lao động gửi gắm tình cảm gì?  ? Sau khi tìm hiểu bài ca dao, em có cảm xúc, suy nghĩ gì về các chiến công của nhân dân ta trên sông Bạch Đằng ?  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ. Làm việc độc lập  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh trả lời câu hỏi 1:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Nội dung | Ca dao | Tục ngữ | | 1 | Trâu vào rừng Mét, sét không ra |  | X | | 2 | Chém nhau đằng mũi, hòa nhau đằng lái |  | X | | 3 | Sâu nhất là sông Bạch Đằng  Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan | X |  | | 4 | Đầu mè đuôi Úc  Giữa khúc Nụ Đăng |  | X | | 5 | Dù ai buôn đâu bán đâu  Mùng chín tháng tám chọi trâu thì về | X |  | | 6 | Thuốc lào Vĩnh Bảo  Chồng hút vợ say  Thằng con châm đóm  Lăn quay ra giường |  | X | | 7 | Đứng trên đỉnh núi ta thề  Không giết hết giặc, không về núi Voi | X |  |   Học sinh giải thích: Đựa vào đặc điểm của tục ngữ (là những bài học kinh nghiệm) và đặc điểm ca dao ( phản ánh đời sống, tâm tư, tình cảm, tình yêu quê hương, đất nước, gia đình)  Gợi ý đáp án câu hỏi 2:  **\* Câu tục ngữ 1**  - Cách gieo vần:  + Vần chân, vần lưng  => Tạo vần, điệu, làm câu tục ngữ dễ thuộc dễ nhớ.  - BPTT: Điệp ngữ, cụm từ *sấm động* lặp lại 2 lần => nhấn mạnh hiện tượng tự nhiên được lấy làm cơ sở đúc rút kinh nghiệm trong câu tục ngữ.  - Nghĩa của câu tục ngữ: Đúc kết kinh nghiệm về thời tiết: sấm động phía Đồ Sơn thì trời mưa gió; sấm động bên Sóc trời sẽ nắng to.  - Cơ sở thực tiễn của câu tục ngữ:  - Bài học kinh nghiệm:  + Vận dụng kinh nghiệm vào sắp xếp công việc, sản xuất, sinh hoạt hằng ngày khoa học, hợp lí.  **\* Câu ca dao :**  - BPTT:  + Điệp ngữ: cụm từ *ba lần*, *giặc* lặp lại hai lần => nhấn mạnh những sự kiện và chiến công vẻ vang của dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm.  - Nội dung: Tái hiện hình ảnh sông Bạch Đằng- địa danh gắn liền với những chiến công vẻ vang của dân tộc nói chung, Hải Phòng nói riêng.  - Ý nghĩa: Ngợi ca, tự hào về truyền thống anh dũng, kiến cường, bất khuất của con người Hải Phòng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm.  Bài tập 3: Chọn ý đúng nhất:  **1. Nét đặc sắc về nghệ thuật của các câu tục ngữ trên là:**  A. cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt, tự do.  B. sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ.  ***C.*** *sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật; có vần, có điệu; hình ảnh về sản vật, văn hóa...gắn liền với tên địa danh.*  D. hình ảnh về sản vật, văn hóa...gắn liền với tên địa danh.  **2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống sau để hoàn thành nhận định về nội dung chính của các câu tục ngữ trong bài:**  *Những câu tục ngữ trên đã đúc rút .........về lao động, sản xuất, sản vật địa phương Hải Phòng.*  **3. Nét đặc sắc về nghệ thuật của các bài ca dao trên là:**  A. cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt, tự do.  B. sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ.  C.cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt, tự do; sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ; các hình ảnh mộc mạc, bình dị, gắn với địa danh.  ***D.*** *sử dụng thể thơ lục bát, cách ngắt nhịp linh hoạt, tự do; sử dụng thành công các BPTT.*  **4. Nội dung chính của các bài ca dao trên là gì?**  A. Đúc rút những kinh nghiệm về các lĩnh vực lao động, sản xuất, con người và xã hội.  ***B.*** *Diễn tả chân thực tâm hồn, tình cảm của người Hải Phòng về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương.*  C. Diễn tả vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm của người Hải Phòng về truyền thống lịch sử của quê hương.  D. Vừa đúc rút kinh nghiệm vừa thể hiện chân thực tâm hồn, tình cảm của con người Hải Phòng.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  \* HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **II. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Tục ngữ:  + Sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật  + Có vần, có điệu  + Hình ảnh về sản vật, văn hóa...gắn liền với tên địa danh.  - Ca dao:  + Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt, tự do.  + Sử dụng thành công nhiều BPTT  + Các hình ảnh mộc mạc, bình dị, gắn với địa danh.  **2. Nội dung:**  + Đúc rút kinh nghiệm về lao động, sản xuất, sản vật địa phương Hải Phòng.  + Thể hiện chân thực tâm hồn, tình cảm của người Hải Phòng về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

\* Mục tiêu cho HSKT: không

*b. Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...

\* Nội dung cho HSKT: không

*c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh

\* Sản phẩm cho HSKT: không

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\***GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án :  Sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ Hải Phòng.  Chọn và vẽ tranh minh họa cho câu ca dao, tục ngữ mà em thích  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh thảo luận, đưa ra phương án, giao việc cho các cá nhân để về nhà tìm hiểu  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét ý thức làm việc nhóm  **-** GV chuẩn, chốt kiến thức. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. |  |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Ôn lại kiến thức đã học hôm nay.

- Chuẩn bị chủ đề 4.